

**THÔNG BÁO**  
**Cam kết chất lượng giáo dục, năm học 2024-2025**

TT	Nội dung	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		Nhà trẻ (115)	Mẫu giáo (463)
I	Tên chương trình giáo dục mầm non thực hiện	Chương trình GDMN (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, được sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ngày 25/7/2009 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/20216.	Chương trình GDMN (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, được sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ngày 25/7/2009 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/20216.
II	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được		
1	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	<p>* Mức tiền ăn: 22.000đ/1 trẻ/1 ngày.</p> <p>- NT: 2 bữa chính, 1 bữa phụ + Bữa chính trưa: 11.000đ + Bữa chính chiều: 8.000đ + Bữa Phụ sáng: 3.000đ</p> <p>* Năng lượng phân phối cho các bữa ăn.</p> <p>- Đối với nhà trẻ: + Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. + Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25-30% năng lượng cả ngày. + Bữa ăn phụ cung cấp khoảng 5-10% năng lượng cả ngày. + Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở GDMN của nhà trẻ 600- 651Kcal; * Tỷ lệ cung cấp năng lượng cho các bữa ăn - Đối với nhà trẻ:</p>	<p>* Mức tiền ăn: 22.000đ/1 trẻ/1 ngày.</p> <p>- MG: 1 bữa chính, 1 bữa phụ + Bữa trưa: 14.000đ + Bữa phụ chiều: 8.000đ</p> <p>* Năng lượng phân phối cho các bữa ăn.</p> <p>- Đối với trẻ MG: + Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. + Bữa ăn phụ cung cấp khoảng 15-25% năng lượng cả ngày. + Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở GDMN của MG đạt từ 615-726Kcal.</p> <p>* Tỷ lệ cung cấp năng lượng cho các bữa ăn</p>

		<p>+ Chất đạm:(Protit) cung cấp khoảng 13-20% năng lượng khẩu phần ăn;          + Chất béo: (Lipit) cung cấp khoảng 30-40% năng lượng khẩu phần ăn;          + Chất bột( Gluxit) cung cấp khoảng 47-50% năng lượng khẩu phần ăn;</p> <p><b>* Chăm sóc sức khỏe</b>          - 100% trẻ đến trường được khám sức khỏe định kỳ 1 lần /năm học (Tháng 9/2024) và cân đo vào theo biểu đồ 3 lần /trên năm học.          + Đối với trẻ dưới 24 tháng và trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì thì 1 tháng cân, đo 1 lần</p> <p><b>* Kết quả phát triển của trẻ</b>  <b>Tổng số trẻ được cân đo: 115 cháu.</b>  <b>Cân nặng:</b>          +BT: 112 cháu = 97,3%          + NCT(1) 3 cháu = 2,7%          + NCD(2) 0 cháu = 0%  <b>Chiều cao:</b>          + BT: 113 cháu = 98 %          + NCD(1) 2 cháu= 0,2%          + NCD(2) = 0 cháu = 0%          - Trên 80% trẻ có kỹ năng tự phục vụ phù hợp với độ tuổi.</p>	<p>- Đối với Mẫu giáo:          + Chất đạm: (Protit) cung cấp khoảng 13-20% năng lượng khẩu phần ăn;          + Chất béo: (Lipit) cung cấp khoảng 25-35% năng lượng khẩu phần ăn;          + Chất bột( Gluxit) cung cấp khoảng 52-60% năng lượng khẩu phần ăn;  <b>* Chăm sóc sức khỏe</b>          - 100% trẻ đến trường được khám sức khỏe định kỳ 1 lần /năm học (Tháng 9/2024) và cân đo vào theo biểu đồ 3 lần /trên năm học.          + Đối với trẻ dưới 24 tháng và trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì thì 1 tháng cân, đo 1 lần .  <b>* Kết quả phát triển của trẻ</b>  <b>Tổng số trẻ được cân đo: 440 cháu.</b>  <b>Cân nặng:</b>          +BT: 426 cháu = 96,8%          + NCT(1) 14 cháu = 3,2 %          + NCD(2) 0 cháu = 0%  <b>Chiều cao:</b>          + BT: 428 cháu = 97,2 %          + NCD(1) 12 cháu= 2,8%          + NCD(2) = 0 cháu = 0%          - Trên 90% trẻ có kỹ năng tự phục vụ phù hợp với độ tuổi. Phần đầu cuối năm 440 trẻ MG có kỹ năng rửa tay, rửa mặt, tự phục vụ bản thân</p>
2	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	100 % trẻ được chăm sóc ở mọi lúc mọi nơi và đảm bảo tuyệt đối an toàn về thể chất lẫn tinh thần.	100 % trẻ được chăm sóc ở mọi lúc mọi nơi và đảm bảo tuyệt đối an toàn về thể chất lẫn tinh thần.
3		<p>- LVPT Thể chất:          Đạt 97,4%, CCG: 2,6%          - LVPT Ngôn ngữ:          Đạt 93%, CCG: 7,0%</p>	<p>- LVPT Thể chất:          Đạt 98,9%, CCG: 1,1%          - LVPT Ngôn ngữ:          Đạt: 97,7%, CCG: 2,3%</p>

	Chất lượng giáo dục trẻ	- LVPT Nhận thức: Đạt 93,9%, CCG: 6,1% - LVPT TCKNXH&TM: Đạt 90,4%, CCG: 9,6%	- LVPT Nhận thức: Đạt: 98,4%, CCG: 1,6% - LVPT TCKNXH: Đạt: 96,6%, CCG: 3,4% - LVPT Thẩm mỹ: Đạt: 95,5%, CCG: 4,5%
III	Các hoạt động hỗ trợ nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở GDMN (nếu có)	Không	Làm quen với Tiếng Anh

Hùng Thắng, ngày 27 tháng 9 năm 2024  
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG  
*Vũ Thị Phương*